

Bản án số: 73/2017/KDTM -ST
Ngày: 26- 7-2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P– THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Công Trung

2/ Bà Trần Quang Cảnh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi là Thư ký Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P- Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Đoàn Thị Thúy Hà– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 64/2016/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2016, về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2017/QĐXXST- KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2017/QĐST- KDTM ngày 07/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: Số 02 đường A, phường B, quận P, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A: Ông Nguyễn Tấn A, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ chi nhánh: Số 44 tỉnh lộ 8, Khu phố 2, Thị trấn C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2017).

Bị đơn: Ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1955 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 235 đường D, phường M, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trương Thị Kim Phụng – sinh năm 1963 (Có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: Số 235 đường Phú Thọ Hòa, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: C4/4 Nữ Dân Công, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2015 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng A do ông Nguyễn Tấn A là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/4/2012, Ngân hàng A (gọi tắt Ngân hàng) và ông Phạm Văn T ký kết hợp đồng tín dụng số 6120-LAV-201113261, ông T vay số tiền 3.500.000.000đồng để sử dụng vào mục đích bổ sung vốn lưu động mua bán vải vụn, vải khúc, vải cây.

Thời hạn vay : 12 tháng tính từ ngày 10/4/2012.

Lãi suất trong hạn : 18.5%/năm (Lãi suất cho vay sẽ tự động điều chỉnh theo mức lãi suất cho vay do ngân hàng nông nghiệp thông báo theo từng thời điểm).

Lãi suất quá hạn : 150% lãi suất trong hạn

Phía ông T có thể chấp tài sản là nhà đất tại số C4/4 ấp 3 , xã A, huyện C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 01152 do ủy ban nhân huyện C cấp ngày 30/12/2010. Tài sản trên được ông T thế chấp theo hợp đồng số 6120-LCP-201102183 ngày 05/12/2011 và được công chứng tại phòng công chứng số 4, số công chứng 48673 ; Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp và được công chứng tại phòng công chứng số 4, số công chứng 12736 ngày 12/4/2012, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/12/2011.

Số tiền 3.500.000.000 đồng được giải ngân qua các đợt như sau :

Ngày 12/4/2012 ông T nhận nợ với số tiền là 800.000.000đồng và thời hạn trả nợ là ngày 12/11/2012.

Ngày 16/4/2012 ông T nhận nợ với số tiền là 200.000.000đồng và thời hạn trả nợ là ngày 16/11/2012.

Ngày 10/7/2012 ông T nhận nợ với số tiền là 2.500.000.000đồng và thời hạn trả nợ là ngày 08/02/2013.

Định kỳ trả tiền lãi chung cho ba lần vay nợ vào ngày 05 hàng tháng trên tổng số dư nợ là 3.500.000.000đồng.

Theo thỏa thuận đến ngày 10/4/2013 ông T phải trả số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng cùng lãi phát sinh. Do không có khả năng thanh toán nợ

nên ông T có nộp đơn xin gia hạn số tiền nợ gốc trên đến ngày 10/11/2013 sẽ thanh toán, đối với tiền nợ lãi, ông T cam kết trả vào ngày 30/6/2013 sẽ thanh toán. Phía ngân hàng chỉ đồng ý cho ông T gia hạn đến ngày 31/5/2013.

Ngày 23/9/2013 ông T gửi đơn xin gia hạn đối với số tiền vay là 2.500.000.000đồng. Ngày 27/9/2013 ngân hàng chỉ đồng ý cho ông T gia hạn đối với số tiền này đến ngày 07/01/2014 phía ông T phải thanh toán dứt điểm.

Đến hạn trả nợ ngân hàng nhiều lần gửi văn bản nhắc nợ và ông T cam kết đến ngày 28/02/2014 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Ông T nhiều lần gửi văn bản cam kết cho ngân hàng về việc thanh toán nợ nhưng vẫn không thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông T vi phạm thỏa thuận mà hai bên ký kết.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải trả số tiền gồm :

Nợ gốc : 3.500.000.000đồng

Nợ lãi trong hạn : 1.679.368.055đồng

Nợ lãi quá hạn : 698.950.694đồng

Tổng cộng số tiền là : 5.897.714.583đồng

Nợ lãi này tính đến ngày 26/7/2017

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nếu đến hạn phải thanh toán nợ mà ông T không thanh toán thì phía ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan chức năng phát mãi tài sản bảo đảm để thi hành khoản nợ còn thiếu.

Ông Phạm Văn T có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, xét xử tại tòa. Ông T có ý kiến sẽ bàn bạc với gia đình để giải quyết đối với tài sản thế chấp và xin đến cuối năm 2017 sẽ trả nợ cho ngân hàng

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Kim P có lời khai thể hiện:

Bà là vợ của ông Phạm Văn T, bà có biết ông T vay tiền của Ngân hàng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T có trả tiền lãi cho ngân hàng, về sau do kinh tế khó khăn nên không có khả năng thanh toán tiếp. Để bảo đảm cho số nợ vay, ông T có thế chấp nhà đất tại C4/4 ấp 3 xã A, huyện C. Do đó bà xin thời gian để bàn bạc với gia đình và cuối năm 2017 sẽ thanh toán số nợ trên cho ngân hàng. Bà có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải và xét xử tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P phát biểu quan điểm :

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết : Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Do bị đơn có nơi cư trú tại quận P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P.

Thời hạn tố tụng: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng và đưa người vào tham gia tố tụng đầy đủ

Việc thu thập chứng cứ : Việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Nội dung vụ án : Ngân hàng khởi kiện ông Phạm Văn T phải thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký, ông T không chịu thanh toán thì phía ngân hàng yêu cầu giao tài sản thế chấp để phát mãi thu hồi nợ. Căn cứ vào chứng cứ thu thập được và lời khai của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 355, Điều 717, Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có nơi cư trú tại quận P theo qui định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận P.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ biên bản xác minh của công an xã A, huyện C cho biết tại nhà C4/4 ấp 3, xã A, huyện C có bà Trương Thị Kim P đang tạm trú. Do đó Tòa án đưa bà P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Bà Trương Thị Kim P, ông Phạm Văn T có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Văn T phải trả các khoản tiền còn thiếu theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết gồm:

Nợ gốc : 3.500.000.000đồng

Nợ lãi trong hạn : 1.679.368.055đồng

Nợ lãi quá hạn : 698.950.694đồng

Tổng cộng số tiền là : 5.897.714.583đồng

Nợ lãi này tính đến ngày 26/7/2017

Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ hợp đồng tín dụng số 6120-LAV-201113261 ngày 10/4/2012 được ký kết giữa Ngân hàng với ông T, thời hạn vay 12 tháng. Đến hạn thanh toán nợ ông T chưa thanh toán và có văn bản xin gia hạn, được ngân hàng chấp nhận cho ông T thanh toán số nợ vốn và nợ lãi còn thiếu, hạn cuối vào ngày 07/01/2014. Đến nay ông T vẫn chưa thực hiện cam kết trả nợ cho ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán và gây thiệt hại cho phía Ngân hàng. Nay ngân hàng yêu cầu ông T trả ngay một lần số nợ trên là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét, Ngân hàng yêu cầu khi đến hạn trả nợ mà ông T không có khả năng thanh toán nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông T phải giao tài sản bảo đảm là nhà đất tại C4/4 ấp 3, xã A, huyện C đã ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 6120-LCP-201102183 ngày 05/12/2011 và được công chứng tại phòng công chứng số 4, số công chứng 48673 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp và được công chứng tại phòng công chứng số 4, số công chứng 12736 ngày 12/4/2012, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/12/2011 để cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo thu hồi nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy tài sản trên thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn T theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/12/2010, số hồ sơ CH01152 và được cập nhật thay đổi bổ sung ngày 29/11/2011, đã được ký thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi ông T thanh toán đủ số nợ trên cho ngân hàng, phía ngân hàng trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông T. Đến hạn thanh toán nợ mà ông T không chịu trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu ông T và những người đang cư ngụ tại căn nhà trên phải bàn giao tài sản để phát mãi thu hồi nợ vốn và lãi cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 342, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005

Xét, bà P là người đang cư ngụ tại căn nhà số C4/4 ấp 3, xã A, huyện C có lời khai thể hiện, bà có biết việc ông T vay tiền của ngân hàng, thế chấp tài sản nhưng bà xin kéo dài thêm thời gian thanh toán nợ vào cuối năm 2017 để gia đình bàn bạc về việc xử lý tài sản và trả nợ cho ngân hàng. Ý kiến này của bà P không được phía ngân hàng đồng ý do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ngân hàng được chấp nhận được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí trên số tiền phải trả là $5.897.714.583 \text{ đồng} = \{112.000.000 + (0.1\% \times 1.897.714.583 \text{ đồng})\} = 113.897.700 \text{ đồng}$. Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí là 56.369.710 đồng cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 228; Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
- Điều 342, Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005
- Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010
- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa Án có hiệu lực ngày 01/7/2009;
- Thông tư số 01/TTLT ngày 19.6.1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tài chính - Bộ tư pháp hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A

Buộc ông Phạm Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền là :

Nợ gốc 3.500.000.000đồng

Nợ lãi trong hạn 1.698.763.889đồng

Lãi quá hạn: 698.6950.694đồng

Tổng cộng số tiền: 5.897.714.583đồng.

Nợ lãi tính đến ngày 26/7/2017

Thời thanh toán: Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27/7/2017 ông Phạm Văn T phải thanh toán tiền lãi phát sinh cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 6120-LAV-201113261 ngày 10/4/2012 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

Sau khi ông Phạm Văn T thanh toán dứt điểm số tiền trên cho Ngân hàng, phía ngân hàng phải trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/12/2010, số hồ sơ CH01152 và được cập nhật thay đổi bổ sung ngày 29/11/2011, cho ông Phạm Văn T.

Đến hạn thanh toán nợ mà ông Phạm Văn T không chịu thanh toán, ông T, bà P phải bàn giao nhà và đất tại C4/4 ấp 3, xã A, huyện C theo hợp đồng thế chấp số 6120-LCP-201102183 ngày 05/12/2011 và được công chứng tại phòng công chứng số 4, số công chứng 48673 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp và được công chứng tại phòng công chứng số 4, số công chứng 12736 ngày 12/4/2012 được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 06/12/2011 để ngân hàng thực hiện quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

2/ Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Phạm Văn T phải chịu án phí là 113.897.700đồng(Một trăm mười ba triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn bảy trăm đồng).

Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí là 56.369.710đồng(Năm mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm mười đồng) cho Ngân hàng A theo biên lai thu số 0001481 ngày 06/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự quận P.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. P;
- Chi cục THA DS Q. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương